



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Tháng 1/2016

I/ Tình hình thị trường tháng 12/2015:

1) Tổng quan thị trường:

Thị trường Nam Phi trong tháng 12/2015 nổi bật với sản xuất và tiêu thụ hàng công nghiệp tăng. Sản xuất và tiêu thụ hàng nông lâm ngư nghiệp tăng. Xuất nhập khẩu giảm. Tồn kho nông sản tăng. Đồng Rand mất giá.

Tháng 12/2015 so với tháng 11/2015 chỉ số giá sản xuất công nghiệp tăng 0,2 %. Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp tăng 3,5 % trong đó nông nghiệp tăng 3,7 %.

Tiêu thụ hàng công nghiệp đạt 108,8 điểm, bán buôn đạt 107,3 điểm, bán lẻ đạt 110,1 điểm, tiêu thụ ô tô đạt 127,5 điểm.

Lạm phát là 5,2 %, tăng 0,3 % so với tháng 11/2015. Giá thực phẩm và đồ uống không cồn tăng 0,6 %. Giá nhà và điện nước tăng 0,8 %.

Đồng Rand mất giá 9.66 %. Tỷ giá Rand/USD tại thời điểm 08/01/2016 là 16.01 so với 14.60 tại thời điểm 04/11/2015.

Xuất khẩu tháng 12/2015 đạt R 88 770 527 510, giảm 5,1 % so với tháng 11/2015. Xuất khẩu 12 tháng 2015 đạt R 1 039 053 145 850, tăng 3,8 % so với 12 tháng 2014.

Nhập khẩu tháng 12/2015 đạt R 80 549 461 697, giảm 13,3 % so với tháng 11/2015. Nhập khẩu 12 tháng 2015 đạt R 1 087 686 676 286, tăng 0,4 % so với 12 tháng 2014.

Việt nam xuất khẩu sang Nam Phi tháng 12/2015 đạt R 643,174,895, giảm 57 % so với tháng 11/2015. Việt nam xuất khẩu sang Nam Phi 12 tháng 2015 đạt R 16 139 031 922, tăng 40 % so với 12 tháng 2014.

Việt nam nhập khẩu từ Nam Phi tháng 12/2015 đạt R 252.077.455, tăng 44 % so với tháng 11/2015. Việt nam nhập khẩu từ Nam Phi 12 tháng 2015 đạt R 2 344 329 100, tăng 21 % so với 12 tháng 2014.

2) Chi tiết thị trường:

Tháng 12/2015 so với tháng 11/2015 sản xuất công nghiệp tăng 1,8 % trong đó: Nhóm hàng thực phẩm và đồ uống tăng 6,2 %. Nhóm hàng dệt may giày dép giảm 0,7 %. Nhóm hàng gỗ giấy tăng 1 %. Nhóm hàng xăng dầu hóa chất cao su nhựa tăng 0,7 %. Nhóm hàng thủy tinh và khoáng sản phi kim loại giảm 7,8 %. Nhóm hàng kim loại máy móc tăng 2,3 %. Nhóm hàng thiết bị điện tăng 1,6 %. Nhóm hàng điện tử tăng 6,9 %. Nhóm hàng phương tiện vận tải giảm 7 %. Nhóm hàng nội thất tăng 5,9 %.

Tháng 12/2015 so với tháng 11/2015 tiêu thụ hàng công nghiệp tăng 0,1 % trong đó: Nhóm hàng thực phẩm và đồ uống tăng 2 %. Nhóm hàng dệt may giày dép tăng 1,1 %. Nhóm hàng gỗ giấy tăng 1 %. Nhóm hàng xăng dầu hóa chất cao su nhựa tăng 2,2 %. Nhóm hàng thủy tinh và khoáng sản phi kim loại tăng 3,3 %. Nhóm hàng kim loại máy móc tăng 0,1 %. Nhóm hàng thiết bị điện giảm 0,1 %. Nhóm hàng điện tử tăng 0,5 %. Nhóm hàng phương tiện vận tải giảm 8 %. Nhóm hàng nội thất tăng 5,3 %.

Ngô: Tổng cung tăng, ước đạt 12,91 triệu tấn bao gồm 2,07 triệu tấn tồn kho tại thời điểm 01/05/2015, 9,48 triệu tấn thu hoạch vụ này, 1,28 triệu tấn nhập khẩu. Tổng cầu giảm, ước đạt 11,24 triệu tấn bao gồm tiêu thụ nội địa 10,45 triệu tấn (4,8 triệu tấn là lương thực cho người, 5,32 triệu tấn dùng làm thức ăn gia súc và nguyên liệu công nghiệp), xuất khẩu 790 nghìn tấn (600 nghìn tấn ngô nguyên hạt và 190 nghìn tấn sản phẩm ngô). Tồn kho tăng, ước tại thời điểm 30/04/2016 là 1,67 triệu tấn tương đương 60 ngày nhu cầu.

Lúa mỳ: Tổng cung không tăng không giảm, ước tính 4,03 triệu tấn bao gồm tồn kho 596,8 nghìn tấn tại thời điểm 01/10/2015, thu hoạch vụ này 1,47 triệu tấn, và nhập khẩu 1,95 triệu tấn. Tổng cầu không tăng không giảm, ước đạt 3,49 triệu tấn bao gồm 3,18 triệu tấn tiêu thụ nội địa (3,15 triệu tấn dùng làm lương thực cho người, 3 nghìn tấn dùng làm thức ăn gia súc, 20 nghìn tấn hạt giống), xuất khẩu 293 nghìn tấn (275 nghìn tấn nguyên hạt và 18 nghìn tấn sản phẩm chế biến). Tồn kho giảm, ước tính tại mốc 30/09/2016 là 540,5 nghìn tấn tương đương 63 ngày nhu cầu.

Cao lương: Tổng cung tăng, ước đạt 274 nghìn tấn bao gồm 121,8 nghìn tấn tồn kho tại mốc 01/03/2015, 114 nghìn tấn thu hoạch vụ này, nhập khẩu 37,2 nghìn tấn. Tổng cầu giảm, ước đạt 203,9 nghìn tấn bao gồm tiêu thụ nội địa 167 nghìn

tấn, xuất khẩu 30 nghìn tấn. Tồn kho tăng, ước đạt tại mốc 29/02/2016 là 70,2 nghìn tấn tương đương 153 ngày nhu cầu.

Hạt hướng dương: Tổng cung tăng, ước tính 798,8 nghìn tấn bao gồm tồn kho tại mốc 01/03/2015 là 92,9 nghìn tấn, thu hoạch vụ này 660,9 nghìn tấn, và nhập khẩu 40 nghìn tấn. Tổng cầu tăng, ước tính 757 nghìn tấn trong đó tiêu thụ nội địa là 749 nghìn tấn (550 tấn dùng cho con người, 8.000 tấn dùng cho gia súc, 740 nghìn tấn dùng để ép dầu). Xuất khẩu 200 tấn. Tồn kho giảm, ước tính tại mốc 29/02/2016 là 41,9 nghìn tấn tương đương 20 ngày nhu cầu.

Đậu tương: Tổng cung tăng, ước tính 1,27 triệu tấn bao gồm tồn kho tại mốc 01/03/2015 là 63,7 nghìn tấn, thu hoạch mùa này 1,03 triệu tấn, nhập khẩu 170 nghìn tấn. Tổng cầu không tăng không giảm, ước tính 1,13 triệu tấn bao gồm 1,12 triệu tấn tiêu thụ trong nước (26 nghìn tấn dùng cho con người, 130 nghìn tấn dùng cho gia súc, 950 nghìn tấn dùng để ép dầu), xuất khẩu 4.500 tấn. Tồn kho tăng, ước tính tại mốc 28/02/2016 là 142,5 nghìn tấn tương đương 47 ngày nhu cầu.

Lúa mạch dự kiến thu hoạch 357,5 nghìn tấn, tăng 18,3 % so với vụ trước. Năng suất dự kiến đạt 3,81 tấn/héc-ta.

Cải dầu dự kiến thu hoạch 101,5 nghìn tấn, giảm 16,12 % so với vụ trước. Năng suất dự kiến đạt 1,3 tấn/héc-ta.

Giá hợp đồng kỳ hạn ngô trắng tại thời điểm 08/01/2016 là 4.670 Rand/tấn, tăng 31,18 % so với thời điểm 08/12/2015; Ngô vàng 3.700 Rand /tấn, tăng 6,54 %; Lúa mì 4.866 Rand/tấn, tăng 6.15 %; Hạt hướng dương 7.200 Rand/tấn, tăng 1.41 %; Đậu tương 6.562 Rand/tấn, tăng 7.91 %.

Xuất khẩu: So với tháng 11/2015, tháng 12/2015 xuất khẩu rau quả tăng 50 %, xuất khẩu kim loại quý và đá quý giảm 5 %, xuất khẩu máy móc và hàng điện tử giảm 14 %, xuất khẩu phương tiện vận tải giảm 28 %.

Nhập khẩu: So với tháng 11/2015, tháng 12/2015 nhập khẩu dệt may giảm 30 %, nhập khẩu sắt thép kim loại màu giảm 22 %, nhập khẩu máy móc và hàng điện tử giảm 16 %, nhập khẩu phương tiện vận tải tăng 14 %, nhập khẩu cụm thiết bị giảm 35 %.

Nhập khẩu lúa mì từ 26/09/2015-08/01/2016 đạt 564,79 nghìn tấn trong đó nhập khẩu từ Nga chiếm 52.85 %, Ukraine 10.82 %, Canada 9,52 %, Bal an 8,50 %, Đức 7.99 %, Lithuania 7.87 %, , Mỹ 2.45 %. Xuất khẩu lúa mì đạt 21.75 nghìn tấn trong đó 58.25 % xuất khẩu sang Zimbabwe, 14.71 % xuất khẩu sang Namibia,

12.92 % xuất khẩu sang Botswana, 11.45 % xuất khẩu sang Mozambique, 1.89 % xuất khẩu sang Swaziland, 0.78 % xuất khẩu sang Zambia.

Xuất khẩu ngô trắng từ 25/04/2015-08/01/2016 đạt 296.4 nghìn tấn trong đó xuất khẩu sang các nước láng giềng BLNS chiếm 82.36 %, Mozambique 17.64 %. Nhập khẩu ngô trắng đạt 68,4 nghìn tấn từ Mexico (74.59 %), Zambia (25.41 %). Xuất khẩu ngô vàng đạt 158.3 nghìn tấn trong đó xuất khẩu sang 4 nước láng giềng BLNS chiếm 77.84 %, xuất khẩu sang Mozambique 17.98 %, CHDCND Triều tiên 2.07 %, Hàn quốc 1.44 %, CH Trung Phi 0.57 %, Zimbabwe 0,1 %. Nhập khẩu ngô vàng đạt 670.2 nghìn tấn từ Ác-hen-ti-na (49.29 %), Bra-xin (44.67 %), Paraguay (6.04 %).

Dự kiến vụ mùa 2015/16 xuất khẩu ngô trắng đạt 480 nghìn tấn, giảm 25,1 % so với vụ trước. Xuất khẩu ngô vàng đạt 310 nghìn tấn, giảm 79,5 %.

Các mặt hàng xuất nhập khẩu Việt nam-Nam Phi 12 tháng 2015:

STT	Mặt hàng	VNXK (Rand)	STT	Mặt hàng	VNNK (Rand)
1	Hàng tươi sống	R 25 773 857	1	Hàng tươi sống	R 698 445 824
2	Rau củ quả	R 881 510 964	2	Rau củ quả	R 810 346 400
3	Dầu ăn	R 112 227	3	Dầu ăn	R 900
4	Thực phẩm chế biến	R 42 468 683	4	Thực phẩm chế biến	R 55 383 125
5	Khoáng sản	R 59 913 214	5	Khoáng sản	R 68 501 833
6	Hóa chất	R 185 781 090	6	Hóa chất	R 131 689 118
7	Cao su và sản phẩm nhựa	R 161 242 074	7	Cao su và sản phẩm nhựa	R 79 680 188
8	Da sống và da thuộc	R 94 345 391	8	Da sống và da thuộc	R 146 030 415
9	Sản phẩm gỗ	R 15 365 230	9	Sản phẩm gỗ	R 40 276 574
10	Giấy và bột giấy	R 19 059 584	10	Giấy và bột giấy	R 992 297
11	Dệt may	R 397 740 065	11	Dệt may	R 12 349 380
12	Giày dép	R 1 948 674 248	12	Giày dép	
13	Vật liệu xây dựng	R 41 415 460	13	Vật liệu xây dựng	R 2 652 366
14	Kim loại quý	R 22 738 208	14	Kim loại quý	
15	Sắt thép	R 106 941 427	15	Sắt thép	R 220 696 929
16	Máy móc thiết bị	R 11 703 632 411	16	Máy móc thiết bị	R 69 853 228
17	Phương tiện vận tải	R 24 537 340	17	Phương tiện vận tải	R 2 426 217
18	Thiết bị ảnh và y tế	R 82 138 438	18	Thiết bị ảnh và y tế	R 3 164 377
20	Đồ chơi và dụng cụ thể thao	R 298 640 702	20	Đồ chơi và dụng cụ thể thao	R 1 060 453
21	Hàng thủ công mỹ nghệ	R 160 903	21	Hàng thủ công mỹ nghệ	R 8 040
22	Hàng hóa khác	R 457 307	22	Hàng hóa khác	R 771 436
23	Thiết bị lẻ	R 26 383 099			
	Tổng cộng:	R 16 139 031 922		Tổng cộng:	R 2 344 329 100

II/ Dự báo tình hình thị trường tháng 1/2016:

Cung-cầu sản phẩm công nghiệp giảm. Cung cầu sản phẩm nông nghiệp giảm. Xuất nhập khẩu tăng. Tồn kho giảm. Đồng Rand tiếp tục mất giá.

III/ Thông báo:

1/ Tìm người bán:

1/

Nhu cầu: Tapioca, Pre-Cooked frozen tuna loins

Địa chỉ liên hệ:

Monteagle International

Tel: +27 31 566 7600 | Mobile: +27 72 656 0977

Email: chris.brecher@monteaglegroup.com; anthony.dumas@monteaglegroup.com

Website: www.monteaglegroup.com

Contact Person: Mr. Chris Brecher

2/ Tìm người mua:

Mặt hàng: Beef, wood, diamond

Địa chỉ liên hệ:

Hon'ble Phiywayinkosi Mabuza (M.P)-Minister

P.O.Box 1832

Mbabane H100

Swaziland

Tel.: +268 2405 0695

Cell: +268 7606 3110

Fax: +268 2404 0697

E-mail: minister@gov.sz; phiwamabuza@gmail.com

VI/ Thông tin chuyên đề:

Nam Phi và các nước miền nam châu Phi có nhu cầu nhập khẩu rất lớn đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt nam. Tổng nhập khẩu của Nam Phi và các nước miền nam châu Phi năm 2014 là 125, 2 tỷ USD trong đó nhập khẩu hàng điện tử đạt 2,29 tỷ USD, dệt may đạt 1,31 tỷ USD, giày dép đạt 1,05 tỷ USD, gạo đạt 590 triệu USD, cà phê đạt 101 triệu USD, hạt tiêu đạt 40 triệu USD, hạt điều đạt 33 triệu USD, cá phi-lê đạt 37 triệu USD, cao su tự nhiên đạt 103 triệu USD,

bánh các loại đạt 245 triệu USD, kẹo các loại đạt 606 triệu USD, xi măng 188 triệu USD, vật liệu xây dựng đạt 607 triệu USD, lốp ô tô đạt 903 triệu USD.

Tuy nhiên, xuất khẩu của Việt nam sang Nam Phi và các nước miền nam châu Phi mới chỉ đạt được khoảng 1,1 tỷ USD trong đó xuất khẩu hàng điện tử đạt 900 triệu USD, dệt may đạt 28,4 triệu USD, giày dép đạt 140 triệu USD, gạo đạt 16,7 triệu USD, cà phê đạt 24 triệu USD, hạt tiêu đạt 15 triệu USD, hạt điều đạt 12 triệu USD, cá phi-lê đạt 2 triệu USD, cao su tự nhiên đạt 1 triệu USD, bánh các loại đạt 1 triệu USD, kẹo các loại đạt 3 triệu USD, vật liệu xây dựng đạt 1,2 triệu USD, lốp ô tô đạt 2,6 triệu USD.

Tại các nước miền nam châu Phi, ta mới chỉ xuất khẩu được 1 số lượng nhỏ hàng điện tử vào Botswana, Namibia, thuốc lá, gạo vào Zimbabwe, dệt may vào Lesotho, dệt may và giày dép vào Swaziland. Cần thúc đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng điện tử, giày dép, dệt may, xi măng và vật liệu xây dựng, lốp ô tô, bánh kẹo, gạo, cà phê, cá tra.

Dự kiến Việt nam có thể nâng kim ngạch xuất khẩu lên 2 tỷ USD bao gồm hàng điện tử 1,4 tỷ USD, dệt may 100 triệu USD, giày dép 300 triệu USD, gạo 100 triệu USD, cà phê 50 triệu USD, hạt tiêu 20 triệu USD, hạt điều 15 triệu USD, cá tra 10 triệu USD, cao su tự nhiên 5 triệu USD, bánh kẹo 15 triệu USD, xi măng và vật liệu xây dựng 10 triệu USD, lốp ô tô 10 triệu USD).

Về nhập khẩu, Nam Phi và các nước miền nam châu Phi có khả năng cung cấp cho Việt nam các nguyên liệu cần thiết cho sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu như khoáng sản, sắt thép và kim loại màu, gỗ, nguyên liệu nhựa và nguyên liệu da giày, ngô và thức ăn gia súc, và cung cấp các loại hàng tiêu dùng chất lượng cao.